

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 25/2018/HSST

Ngày: 09/10/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Khoe**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Chí Thức** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/HSST-QĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Trí Th - sinh năm 1990,

Nơi ĐKTT và nơi cư trú: ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 03/12. Con ông Phạm Ngọc T (chết) và bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1960. Vợ: Đặng Thị L, sinh năm 1994. Con: có 1 con, sinh năm 2013. Tiền án: Ngày 28/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 28/2010/HSST, được đặc xá ngày 31/8/2011, đã được xóa án tích. Tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 31/5/2018 đến ngày 09/6/2018 thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 06/7/2018 bị bắt tạm giam cho đến nay.

2. Lê Văn S - sinh năm 1968, tại Tân Hiệp, Kiên Giang

Nơi ĐKTT và nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 03/12. Con ông Lê Hồng D (chết) và bà Lê Thị T, sinh năm

1938. Tiền án: Ngày 20/5/1993 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 năm tù giam về tội “Giết người” theo bản án số 366/HSPT, chấp hành xong hình phạt tù 21/10/2009, chấp hành xong án phí ngày 30/12/1993, đã được xóa án tích. Tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 31/5/2018 đến ngày 09/6/2018 thay thế bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 06/7/2018 bị bắt tạm giam cho đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bị hại:*

Chị **Võ Thị Kim C** - sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

** Người làm chứng:*

1. Bà **Phạm Thị S** - sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Huỳnh Minh Th** - sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 31 tháng 5 năm 2018, sau khi Phạm Trí Th và Lê Văn S uống hết 01 kết bia Sài Gòn xanh, Th rủ S đi trộm cắp gà để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì được S đồng ý. Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68S1-385.59 (xe của S) chở S ngồi phía sau chạy theo tuyến dân cư 600 từ Kinh 6 đến Kinh 9, Kinh 10 và vào đường Kinh M địa bàn thị trấn T, huyện T để tìm gà để trộm nhưng không có, Th điều khiển xe vào khu vực Bệnh viện Đa khoa huyện T tìm tài sản để trộm cắp nhưng nhìn thấy Nguyễn Thái X là cán bộ Công an thị trấn T nên Th điều khiển xe chạy vào đường UBND thị trấn T đến Kinh M, do không tìm được gà để lấy trộm nên Th rủ S tìm giật dây chuyền vàng của những người đi bộ tập thể dục để bán lấy tiền tiêu xài thì S nói “Mày muốn làm gì thì làm”. Th điều khiển xe chạy từ hướng Kinh 10 về Kinh Đ đến khu vực thuộc Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang nhìn thấy chị Phạm Thị S và chị Võ Thị Kim C đang đi bộ tập thể dục và phát hiện chị C có đeo trên cổ sợi dây chuyền vàng nên kêu S giật nhưng S không dám giật, Th kêu S điều khiển xe chạy để Th ngồi phía sau giật dây chuyền thì S đồng ý, Th điều khiển xe chạy qua khỏi chị C và chị S khoảng 10 mét và quay đầu xe lại để cho S điều khiển. Lúc này Lê Văn S điều khiển xe chở Th ngồi phía sau chạy đến chỗ chị C

đang đi bộ áp sát xe để cho Th dùng tay phải giật sợi dây chuyền đang đeo trên cổ của chị C làm chị C té ngã xuống lộ, còn Lê Văn S điều khiển xe chở Th bỏ chạy, chị C và chị Phạm Thị S la lên “Cướp, Cướp” thì có anh Huỳnh Minh T đang đứng cách chị C khoảng 50 mét nghe tiếng tri hô “Cướp, Cướp” và nhìn thấy Lê Văn S điều khiển xe chở Th chạy về hướng anh Huỳnh Minh T nên anh Huỳnh Minh T lấy các bó củi để bên đường ném vào xe Lê Văn S đang chạy trốn làm Lê Văn S và Th bị ngã xe, anh Huỳnh Minh T kêu Lê Văn S, Th đứng im và thấy Th đang cầm sợi dây chuyền vừa giật được của chị C nên yêu cầu trả lại, lúc này chị Phạm Thị S và chị C cũng vừa đi tới, anh Huỳnh Minh T đưa lại sợi dây chuyền cho chị C kiểm tra lại phát hiện còn mất cái mặt dây chuyền và tìm kiếm thì gặp, anh T nhờ người báo cơ quan Công an đến bắt quả tang Phạm Trí Th và Lê Văn S và tiến hành thu giữ tang vật gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, 01 mặt dây chuyền vàng 18k mà Th, S giật lấy của chị C; 01 xe mô tô biển kiểm soát 68S1- 385.59, nhãn hiệu SHUZA, màu sơn đen, số máy 52FMH004552, số khung HSUM6B1552.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 10/KL-ĐGTS ngày 07/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Kiên Giang kết luận vào thời điểm tháng 6/2018: 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ 02 phân 08 ly có giá trị là 7.675.000đ; 01 mặt dây chuyền trái tim bằng vàng 18k trọng lượng 07 phân 02 ly có giá trị là 1.684.000đ. Tổng giá trị tài sản định giá là 9.359.000đ (Chín triệu ba trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Trong vụ án này đối với Phạm Trí Th, đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án số 28/2010/HSST ngày 28/9/2010, được đặc xá ngày 31/8/2011; đối với Lê Văn S, đã bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 năm tù giam về tội “Giết người”, theo Bản án số 366/HSPT ngày 20/5/1993. Trong quá trình điều tra, truy tố, Phạm Trí Th và Lê Văn S thể hiện sự thành khẩn khai báo.

Vật chứng trong vụ án gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ 02 phân 08 ly, 01 mặt dây chuyền trái tim bằng vàng 18k trọng lượng 07 phân 02 ly, Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ sau khi trưng cầu định giá xong đã trả lại cho Võ Thị Kim C nhận lại vào ngày 12/6/2018; 01 xe mô tô 68S1-385.59, nhãn hiệu SHUZA, màu sơn đen, số máy 52FMH004552, số khung HSUM6B1552 (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy tên Trương Quốc D) xe của Lê Văn S mua lại của Trần Quang H, làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh

Kiên Giang theo Quyết định chuyển vật chứng số 15 ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Võ Thị Kim C đã nhận lại đủ 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ 02 phân 08 ly, 01 mặt dây chuyền trái tim bằng vàng 18k trọng lượng 07 phân 02 ly, nên không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, hai bị cáo Phạm Trí Th và Lê Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của hai bị cáo đúng như nội dung vụ án đã nêu trên. Tài sản thu hồi đã trả lại cho người bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, hai bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 10/KL-ĐGTS ngày 07/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS-TH ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phạm Trí Th và bị cáo Lê Văn S về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Phạm Trí Th và Lê Văn S. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên xử các bị cáo Phạm Trí Th và bị cáo Lê Văn S phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trí Th mức án từ 05 năm - 05 năm 06 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S mức án từ 04 năm 06 tháng - 05 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô 68S1- 385.59, nhãn hiệu SHUZA, màu sơn đen, số máy 52FMH004552, số khung HSUM6B1552 (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy tên Trương Quốc D) xe của Lê Văn S mua lại của Trần Quang H, làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang theo Quyết định chuyển vật chứng số 18 ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Về trách nhiệm dân sự: 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ 02 phân 08 ly, 01 mặt dây chuyền trái tim bằng vàng 18k trọng lượng 07 phân 02 ly, Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ sau khi trưng cầu định giá xong đã trả lại cho chị Võ Thị Kim C nhận lại ngày 12/6/2018; bị hại chị Võ Thị Kim C không yêu cầu gì thêm.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo Th và bị cáo S đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của hai bị cáo, người bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ ngày 31/5/2018, bị cáo Phạm Trí Th rủ bị cáo Lê Văn S đi tìm gà trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì được bị cáo Lê Văn S đồng ý, bị cáo Th điều khiển xe mô tô biển kiểm 68S1- 385.59 (xe của bị cáo Lê Văn S) chạy theo tuyến lộ địa bàn trị trấn T tìm gà trộm cắp nhưng không có nên bị cáo Th rủ bị cáo Lê Văn S tìm giật dây chuyền vàng của những người đi bộ tập thể dục để bán lấy tiền tiêu xài thì được bị cáo Lê Văn S đồng ý, khi bị cáo Th điều khiển xe chạy thì phát hiện chị Võ Thị Kim C có đeo trên cổ 01 sợi dây chuyền vàng đang đi tập thể dục cùng bà Phạm Thị S nên kêu bị cáo Lê Văn S giật lấy nhưng bị cáo Lê Văn S không dám giật. Lúc này bị cáo Phạm Trí Th để cho bị cáo Lê Văn S điều khiển xe chạy chở bị cáo Th ngồi phía sau xe chạy đến và bị cáo Lê Văn S cho xe áp sát vào bà C để cho bị cáo Th giật sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ 02 phân 08 ly, 01 mặt dây chuyền trái tim bằng vàng 18k trọng lượng 07 phân 02 ly đang đeo trên cổ chị C, khi bị cáo Th giật được dây chuyền vàng của chị C liền tăng ga xe bỏ chạy thì được người dân chặn bắt quả tang. Tổng tài sản mà hai bị cáo Phạm Trí Th và Lê Văn S dùng xe mô tô là loại phương tiện nguy hiểm thực hiện hành vi cướp giật của chị Võ Thị Kim C có giá trị là 9.359.000đ (Chín triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Từ những phân tích, đánh giá trên đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định hành vi của bị cáo Phạm Trí Th và bị cáo Lê Văn S đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của hai bị cáo là táo bạo, liều lĩnh và gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của người bị hại, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hai bị cáo là người có đủ sức khỏe và năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được việc cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, hai bị cáo bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Khi được bị cáo Th rủ đi tìm dây chuyền vàng để giật, lẽ ra bị cáo S phải can ngăn nhưng bị cáo lại mặc nhiên để cho sự việc xảy ra và cùng bị cáo Th thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cáo trạng của VKS nhân dân huyện T truy tố hai bị cáo Phạm Trí Th và Lê Văn S về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy vụ án có tính chất giản đơn, không phân công tổ chức. Tuy nhiên bị cáo Th là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo Th phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Lê Văn S. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: Hai bị cáo Th và S đã dùng xe mô tô để áp sát giật tài sản của bị hại và sau đó nhanh chóng tăng ga xe bỏ chạy là tình tiết định khung hình phạt dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Hai bị cáo Phạm Trí Th và Lê Văn S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 03 chỉ 02 phân 08 ly, 01 mặt dây chuyền trái tim bằng vàng 18k trọng lượng 07 phân 02 ly, Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ sau khi trưng cầu định giá xong đã trả lại cho chị Võ Thị Kim C ngày 12/6/2018; là phù hợp nên HĐXX miễn xét.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68S1- 385.59, nhãn hiệu SHUZA, màu sơn đen, số máy 52FMH004552, số khung HSUM6B1552 (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy tên Trương Quốc D) xe của Lê Văn S mua lại của Trần Quang H, do hai bị cáo làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Trí Th và bị cáo Lê Văn S** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Trí Th 04 (bốn) năm tù**, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/5/2018 đến ngày 09/6/2018 là 09 (chín) ngày. Thời hạn tù còn lại là 03 (ba) năm 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 06/7/2018, và tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn S 03 (ba) năm tù**, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/5/2018 đến ngày 09/6/2018 là 09 (chín) ngày. Thời hạn tù còn lại là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 06/7/2018, và tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68S1- 385.59, nhãn hiệu SHUZA, màu sơn đen, số máy 52FMH004552, số khung HSUM6B1552 (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy tên Trương Quốc D) xe của Lê Văn S mua lại của Trần Quang H.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 18/QĐ-VKS-TH ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc hai bị cáo Phạm Trí Th và Lê Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại chị Võ Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến